

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-3-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoảng

2. Bà Doãn Thị Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Sứ -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 645/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29-01-2021; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị N T L H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 108/97 P Đ, Tổ 8, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh L N P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 108/97 P Đ, Tổ 8, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị N T L H trình bày:*

Chị và anh L N P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T B, huyện S T, tỉnh Q N vào ngày 26-01-1996. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên ra ngoài bài bạc, đánh số đề. Không những thế, anh P còn thiếu trách nhiệm với vợ con, bỏ mặc cho chị lo toan mọi

việc trong gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không thay đổi, vì các con nên chị đã cố gắng chịu đựng trong thời gian dài. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L N P.

Về con chung: Chị và anh L N P có hai con chung là L T B, sinh ngày 29-10-1996 và L B Đ T, sinh ngày 24-7-2001. Các con đều đã đủ tuổi thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N T L H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh L N P:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh P tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh P phát sinh mâu thuẫn, nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H để quyết định cho chị H được ly hôn với anh P; buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Chị N T L H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết việc hôn nhân của chị và anh L N P. Đơn khởi kiện của chị H được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; chị H và anh P đều cư trú tại thành phố P, nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh P đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị N T L H và anh L N P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T B, huyện S T, tỉnh Q N vào ngày 26-01-1996 nên hôn nhân giữa chị H và anh P là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, trong thời gian chung sống giữa chị với anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh P thường xuyên cờ bạc, số đề, không chăm lo gia đình, vợ con, anh P vay mượn bên ngoài gây nên nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị H trình bày.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng chị H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản để chị H và anh P đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng anh P đều vắng mặt chứng tỏ anh Phước không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, quyết định cho chị được ly hôn với anh P.

*Về con chung:* Các con chung đã đủ tuổi thành niên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không quyết định.

[4] *Về án phí:* Chị N T L H là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị N T L H.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị N T L H được ly hôn anh L N P.

**2.** Về án phí: Chị N T L H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số thu số 0005537 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chị N T L H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh L N P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã T B, huyện S T, tỉnh Q N (ĐKKH số 2, ngày 26-01-1996);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**